

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T15XDDb

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU I

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : MEC - 211

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 21/11/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152211938	HỒ CÔNG TIẾN	T15XDDB	9			6.9		8			6	6.9	Sau pháp Chèn			
2	152211939	ĐẶNG HỒNG ĐỨC	T15XDDB	10			5		3.5			4.5	5.3	Nằm pháp Ba			
3	152211940	TRẦN HỮU BA	T15XDDB	10			8.8		9.5			8	8.6	Tam pháp Sau			
4	152211941	TRẦN CÔNG ĐỊNH	T15XDDB	8			6.7		6			4.5	5.6	Nằm pháp Sau			
5	152211942	NGUYỄN VĂN SƠN	T15XDDB	9			5.6		6			4	5.3	Nằm pháp Ba			
6	152211943	TRẦN VĂN CƯỜNG	T15XDDB	8			4.4		4			4	4.7	Bầu pháp Bấy			
7	152211944	NGUYỄN HÙNG THANH	T15XDDB	7			5		8			3	0.0	Khăng			
8	152211945	LÊ VĂN LONG	T15XDDB	8			4.9		6			6	6.1	Sau pháp Mất			
9	152211946	NGUYỄN ANH DŨNG	T15XDDB	7			4.3		6			6	5.9	Nằm pháp Chèn			
10	152211947	BÙI THANH HÂN	T15XDDB	8			6.1		5			4.5	5.3	Nằm pháp Ba			
11	152211948	ĐINH VŨ LƯỢNG	T15XDDB	5			4.3		5			6	5.4	Nằm pháp Bầu			
12	152211949	NGUYỄN HỮU VINH	T15XDDB	10			6.3		8			3	0.0	Khăng			
13	152211950	PHAN PHỤNG PHƯƠNG	T15XDDB	9			4.6		4			4	4.8	Bầu pháp Tam			
14	152211951	TRƯƠNG QUANG PHỒN	T15XDDB	7			6.9		8			6.5	6.9	Sau pháp Chèn			
15	152211952	TẠ NGỌC HẢI	T15XDDB	5			3.8		6.5			6	5.6	Nằm pháp Sau			
16	152211954	ĐOÀN CÔNG TÂM	T15XDDB	7			5.4		5			4.5	5.1	Nằm pháp Mất			
17	152211955	NGUYỄN ĐÌNH THẠNH	T15XDDB	10			7		6			2	0.0	Khăng			
18	152211957	NGUYỄN VĂN THỐNG	T15XDDB	9			5.1		7.5			6	6.5	Sau pháp Nằm			
19	152211958	VÕ VĂN HÙNG	T15XDDB	7			6.2		4			HP	0.0	Khăng			
20	152211959	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	T15XDDB	8			6		5			4	5.1	Nằm pháp Mất			
21	152211960	NGUYỄN VĂN QUANG	T15XDDB	8			7.7		7			7	7.3	Bấy pháp Ba			
22	152211961	NGUYỄN THANH ĐÔNG	T15XDDB	6			7.9		2			5	5.1	Nằm pháp Mất			
23	152211963	NGUYỄN ĐÌNH MỸ	T15XDDB	10			6.5		6			4.5	5.9	Nằm pháp Chèn			
24	152211964	PHẠM DUY KHÁNH	T15XDDB	8			7.6		7			6.5	7.0	Bấy			
25	152211965	NGUYỄN VĂN VŨ	T15XDDB	8			9.6		5.5			7.5	7.6	Bấy pháp Sau			
26	152211966	NGUYỄN ĐỨC THOM	T15XDDB	8			5		5			5.5	5.7	Nằm pháp Bấy			
27	152211967	VÕ THÀNH NHÂN	T15XDDB	10			8.3		9			6.5	7.7	Bấy pháp Bấy			
28	152211968	HỒ NHƯ Ý	T15XDDB	9			5.5		5.5			6.5	6.6	Sau pháp Sau			
29	152211969	PHẠM HỮU HÙNG	T15XDDB	10			7.5		7.5			7.5	7.9	Bấy pháp Chèn			
30	152211970	NGUYỄN MINH QUÝ	T15XDDB	10			9.7		10			9.5	9.7	Chèn pháp Bấy			
31	152211971	HUỲNH NGỌC HIỀN	T15XDDB	9			9.9		10			9	9.3	Chèn pháp Ba			
32	152221986	NGÔ QUỐC DIỆP	T15XDDB	10			7.3		7			8	8.0	Tam			
33	152221991	NGUYỄN ĐỨC	T15XDDB	9			8		5			6.5	6.9	Sau pháp Chèn			
1	2401	DƯƠNG QUANG TUẤN	K12XCD	0			0		0			V	0.0	Khăng			
2	7978	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	K13XCD	3			3		5			6	5.0	Nằm			
3	4433	LÊ DUY DŨNG	K13XDD3	7			4.1		4			2.5	0.0	Khăng			
4	4527	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	K13XDD3	9			6.4		5.5			5	5.9	Nằm pháp Chèn			
5	4539	NGUYỄN DƯƠNG QUYỀN	K13XDD3	7			6.8		6.5			3	0.0	Khăng			
6	0206	MAI PHƯỚC LINH	T13XDD1	7			3		0			V	0.0	Khăng			
7	0214	NGUYỄN QUỲNH KHÁNH	T15XDD2	6			3		2			4.5	4.1	Bầu pháp Mất			

Ngày thi: 21/11/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
8	0181	BÙI VĂN LỰC	T15XDD1	9			3		5			4	4.8	Bất quá Tam		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	33	80%	
2	Số sinh viên nợ	8	20%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú